TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:36/2018/DS-ST
Ngày 07.11.2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy**
Hội thẩm nhân dân: - Ông **Phạm Xoa**
- Ông**Huỳnh Thanh Trà**
- Thư ký phiên tòa:Bà**Trần Thị Tuyết Nhung**- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 07.11.2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - 24 Hoàng Văn Thụ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2018/TLST-DS ngày 08.8.2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐST-DS ngày 05.10.2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-DS ngày 22.10.2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N
Địa chỉ: Tầng 02, Tòa nhà R, số 09 đường Đ, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị Thu T, sinh năm 1994. Địa chỉ: 24 đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Theo văn bản ủy quyền số 1304/UQTA-VH.18 ngày 31.5.2018), (có mặt).

**** Bị đơn:*** Bà Nguyễn Minh H, sinh năm 1976.
Trú tại: 15/5 đường P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 31.5.2018, bản tự khai ngày 21.9.2018, ngày 07/11/2018 tại phiên tòa, bà Mai Thị Thu T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N trình bày:*

Vào ngày 08.12.2015, bà Nguyễn Minh H có ký Hợp đồng tín dụng số 20151210-500000-1337 với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N (V), (Sau đây viết tắt là V) vay số tiền 68.575.000 đồng *(Sáu mươi tám triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)*với lãi suất thỏa thuận 2.92 %/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Nguyễn Minh H có trách nhiệm thanh toán số tiền 103.817.000

đồng bao gồm tiền gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 30 tháng; 29 tháng đầu, mỗi tháng trả 3.462.000 đồng; Tháng cuối cùng trả 3.419.000 đồng. Bắt đầu thực hiện từ ngày 11.01.2016.

Thực hiện hợp đồng, bà H đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh tóan cho V 17 lần với tổng số tiền đã trả 58.854.000 đồng. Kể từ ngày 16.5.2017 đến nay, bà Nguyễn Minh H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Bà Nguyễn Minh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ ngày 16.05.2017. Mặc dù, V đã tạo điều kiện trả nợ nhưng bà H cố tình trốn tránh, chây ỳ nghĩa vụ trả nợ.

Nay, V yêu cầu bà Nguyễn Minh H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ là: 44.963.000 đồng *(Bốn mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng)*. Trong đó, nợ gốc đến hạn là 36.984.986 đồng, nợ lãi theo hợp đồng là 7.978.014 đồng và không yêu cầu tiếp tục tính lãi.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa nhiều lần đối với bị đơn là bà Nguyễn Minh H để lấy lời khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà H đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa lần thứ hai hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Minh H vắng mặt và không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 08.12.2015, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N (V) với bà Nguyễn Minh H đã ký Hợp đồng tín dụng số: 20151210-500000-1337. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, V đã cho bà Nguyễn Minh H vay số tiền 68.575.000 đồng (Sáu mươi tám triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) với lãi suất thỏa thuận 2.92 %/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Nguyễn Minh H có trách nhiệm thanh toán số tiền 103.817.000 đồng bao gồm tiền gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 30 tháng; 29 tháng đầu, mỗi tháng trả 3.462.000 đồng; Tháng cuối cùng trả 3.419.000 đồng. Bắt đầu thực hiện từ ngày 11/01/2016. Thực hiện hợp đồng, bà H đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh tóan cho V 17 lần với tổng số tiền đã trả 58.854.000 đồng. Kể từ ngày 16.5.2017 đến nay, bà Nguyễn Minh H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Vđã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.Trong quá trình vay đến ngày 16.5.2017, bà Nguyễn Minh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Đến nay Vyêu cầu bà Nguyễn Minh H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ là: 44.963.000 đồng *(Bốn mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi ba*

ngàn đồng). Trong đó, nợ gốc là 36.984.986 đồng, nợ lãi theo hợp đồng là 7.978.014 đồng.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy: Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo hình hình thức vốn lãi cộng dồn và trả dần trong vòng 30 tháng nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 16.5.2017 cho đến nay bà Nguyễn Minh H không thanh toán cho V theo thỏa thuận trong hợp đồng, mặc dù V đã nhiều lần nhắc nhở, như vậy bà Nguyễn Minh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng quy định trong đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng mà bà đã ký với V ngày 08.12.2015. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V, buộc bà Nguyễn Minh H phải trả cho V tổng số tiền là 44.963.000 đồng *(Bốn mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng)*. Trong đó, nợ gốc đến hạn là 36.984.986 đồng, nợ lãi tính đến ngày 07.11.2018 là 7.978.014 đồng và không yêu cầu tiếp tục tính lãi.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Minh H phải chịu theo quy định của pháp luật. V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho V đã nộp là: 1.124.000 đồng theo biên lai thu số 0003622 ngày 08.8.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Ápdụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 điểm bkhoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ápdụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N (V) đối với bà Nguyễn Minh H.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Minh H phải trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N (V)tổng số tiền: 44.963.000 đồng *(Bốn mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng)*. Trong đó, nợ gốc là 36.984.986 đồng, nợ lãi là 7.978.014 đồng**.**

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Minh H phải chịu là: 2.248.150 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn một trăm năm mươi đồng). Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N (V) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N (V) đã nộp là: 1.124.000 đồng theo biên lai thu số 0003622 ngày 08.8.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng;
- THADS quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Thùy